

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020
NGÂN HÀNG TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM)



Số: 1.0537/21/TC-AC

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM)**

Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021, từ trang 02 đến trang 08, bao gồm Bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu, Tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên và Các chỉ số tài chính được trích từ Báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đầy đủ này tại Báo cáo kiểm toán lập ngày 23 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính đầy đủ này và Báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng. Do đó, việc đọc Báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc Báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tóm tắt theo các tiêu thức quy định bởi pháp luật.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 810 – “Dịch vụ báo cáo về Báo cáo tài chính tóm tắt”.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo - được trích từ Báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ngân hàng đã được kiểm toán – đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu với Báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán, phù hợp với tiêu thức được quy định bởi pháp luật.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C****Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

Phạm Huỳnh Anh Thư - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3537-2021-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

NGÂN HÀNG TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Tầng 1,2,6 Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

A- TÀI SẢN	Đơn vị tính: triệu đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Tiền mặt	446.116	425.457
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	18.254.202	11.741.032
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	53.094.065	55.660.637
1. Tiền gửi tại các TCTD khác	52.571.065	55.380.637
2. Cho vay các TCTD khác	523.000	280.000
IV. Chứng khoán kinh doanh	150.149	-
1. Chứng khoán kinh doanh	150.279	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(130)	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	14.704	-
VI. Cho vay khách hàng	47.428.378	47.548.571
1. Cho vay khách hàng	48.044.884	48.207.781
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(616.506)	(659.210)
VIII. Chứng khoán đầu tư	8.694.854	8.742.185
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	8.697.211	8.742.185
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(2.357)	-
X. Tài sản cố định	83.853	102.350
1. Tài sản cố định hữu hình	77.452	95.452
a. Nguyên giá tài sản cố định	207.363	215.223
b. Hao mòn tài sản cố định	(129.911)	(119.771)
3. Tài sản cố định vô hình	6.401	6.898
a. Nguyên giá tài sản cố định	12.229	10.923
b. Hao mòn tài sản cố định	(5.828)	(4.025)
XII. Tài sản có khác	878.467	947.135
1. Các khoản phải thu	163.260	101.011
2. Các khoản lãi, phí phải thu	491.888	596.445
3. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.264	36.129
4. Tài sản có khác	194.055	213.550
TỔNG TÀI SẢN CÓ	129.044.788	125.167.367

NGÂN HÀNG TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Tầng 1,2,6 Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tóm tắt (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B - NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	Đơn vị tính: triệu đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.418.186	1.256.520
1. Tiền gửi của các TCTD khác	3.094.603	1.256.520
2. Vay các TCTD khác	323.583	-
III. Tiền gửi của khách hàng	111.450.623	109.908.707
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	172
VI. Phát hành giấy tờ có giá	594.461	-
VII. Các khoản nợ khác	1.132.158	1.123.869
1. Các khoản lãi, phí phải trả	35.565	81.536
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	1.096.593	1.042.333
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	116.595.428	112.289.268
VIII. Vốn chủ sở hữu	12.449.360	12.878.099
1. Vốn của TCTD	7.528.000	7.528.000
a. Vốn điều lệ	7.528.000	7.528.000
2. Quỹ của TCTD	2.762.637	2.525.320
5. Lợi nhuận chưa phân phối	2.158.723	2.824.779
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	129.044.788	125.167.367

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính: triệu đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Cam kết giao dịch hối đoái	62.013.139	75.791.868
Cam kết mua ngoại tệ	8.736.526	22.724.932
Cam kết bán ngoại tệ	8.730.074	22.684.681
Cam kết giao dịch hoán đổi	44.546.539	30.382.255
3. Cam kết cho vay không hủy ngang	3.870.021	2.584.730
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	8.183.779	7.295.217
5. Bảo lãnh khác	11.216.040	9.535.389

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021


Hà Lê Thảo Vy
Kiểm soát tài chính

Nguyễn Thị Thanh Trúc
Giám đốc tài chính và
Kế toán trưởng

Timothy Mark Redvers Evans
Người đại diện theo pháp luật

NGÂN HÀNG TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Tầng 1,2,6 Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tóm tắt (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: triệu đồng

	Năm nay	Năm trước
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	3.254.833	4.214.682
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	301.594	507.548
I. Thu nhập lãi thuần	2.953.239	3.707.134
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	970.237	1.121.673
4. Chi phí hoạt động dịch vụ	283.867	284.838
II. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	686.370	836.835
III. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	690.317	679.704
IV. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17.380	17.434
V. Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(2.357)	-
5. Thu nhập từ hoạt động khác	119.419	172.550
6. Chi phí từ hoạt động khác	12.195	56.346
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	107.224	116.204
VIII. Chi phí hoạt động	2.442.015	2.263.745
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2.010.158	3.093.566
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	24.692	112.275
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế	1.985.466	2.981.291
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	396.483	507.569
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.865	98.695
XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	403.348	606.264
XIII. Lợi nhuận sau thuế	1.582.118	2.375.027

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Hà Lê Thảo Vy
Kiểm soát tài chính

Nguyễn Thị Thanh Trúc
Giám đốc tài chính và
Kế toán trưởng



Timothy Mark Redvers Evans
Người đại diện theo pháp luật

NGÂN HÀNG TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Tầng 1,2,6 Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tóm tắt (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: triệu đồng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	3.361.201	4.319.411
02. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(346.672)	(496.368)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	703.723	844.090
04. Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	707.827	697.138
05. Thu nhập khác	75.081	75.716
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	35.233	40.565
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(2.410.882)	(2.652.997)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(418.670)	(622.528)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	1.706.841	2.205.027
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09. (Tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(243.000)	(200.000)
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(55.246)	596.372
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(14.704)	8.578
12. Giảm/(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	162.897	(3.504.149)
13. (Tăng) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(67.396)	(45.392)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(61.339)	619.072
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	2.161.666	(727.571)
17. Tăng tiền gửi của khách hàng	1.541.916	24.836.293
18. Tăng phát hành giấy tờ có giá	593.568	-
20. (Giảm)/Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(172)	172
21. Tăng khác về công nợ hoạt động	26.681	77.224
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	5.751.712	23.865.626

NGÂN HÀNG TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Tầng 1,2,6 Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tóm tắt (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp trực tiếp)

	Đơn vị tính: triệu đồng	
	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01. Mua sắm tài sản cố định	(16.659)	(44.164)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	61	42
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(16.598)	(44.122)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04. Lợi nhuận đã chia	(2.010.857)	(1.640.185)
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(2.010.857)	(1.640.185)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	3.724.257	22.181.319
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	67.547.126	45.365.807
VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	71.271.383	67.547.126

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021


Hà Lê Thảo Vy
Kiểm soát tài chính

Nguyễn Thị Thanh Trúc
Giám đốc tài chính và
Kế toán trưởngTimothy Mark Redvers Evans
Người đại diện theo pháp luật

NGÂN HÀNG TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Tầng 1,2,6 Tòa nhà Metropolitain, 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tóm tắt (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2019	7.528.000	756.816	1.412.250	2.446.191	12.143.257
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.375.027	2.375.027
Trích lập các quỹ	-	118.751	237.503	(356.254)	-
Chia lợi nhuận	-	-	-	(1.640.185)	(1.640.185)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7.528.000	875.567	1.649.753	2.824.779	12.878.099
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2020	7.528.000	875.567	1.649.753	2.824.779	12.878.099
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.582.118	1.582.118
Trích lập các quỹ	-	79.106	158.211	(237.317)	-
Chia lợi nhuận	-	-	-	(2.010.857)	(2.010.857)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7.528.000	954.673	1.807.964	2.158.723	12.449.360

Đơn vị tính: triệu đồng

NGÂN HÀNG TNHH MTV HSBC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Tầng 1,2,6 Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tóm tắt (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Đơn vị tính: triệu đồng

	Năm nay	Năm trước
Tổng số cán bộ công nhân viên (người)	1.317	1.408
<i>Thu nhập của cán bộ, công nhân viên</i>		
Tổng quỹ lương	727.979	695.557
Lương bổ sung	133.128	155.360
Thu nhập khác	67.275	67.363
Tổng thu nhập	928.382	918.280
 Tiền lương bình quân/ người/ năm	 553	 494
Thu nhập bình quân/ người/ năm	705	652

VI. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: triệu đồng, %

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn điều lệ	7.528.000	7.528.000
Tổng tài sản	129.044.788	125.167.367
Tỷ lệ an toàn vốn	16%	14%
Nợ quá hạn	633.835	633.932
Nợ xấu	348.713	342.796
Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động	38%	41%
Số dư bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%
Số dư nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0,65%	0,63%
Số dư nợ xấu/Tổng dư nợ	0,36%	0,34%
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	57%	57%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
<i>Bảng đồng Việt Nam</i>	<i>Tuần thủ</i>	<i>Tuần thủ</i>
<i>Bảng ngoại tệ khác</i>	<i>Tuần thủ</i>	<i>Tuần thủ</i>
	Năm nay	Năm trước
Doanh số huy động tiền gửi	3.104.447.583	3.224.470.993
Doanh số cho vay	130.700.959	125.559.501
Doanh số thu nợ	130.955.684	121.530.705

Báo cáo tài chính tóm tắt đã được Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng phê chuẩn ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Hà Lê Thảo Vy
Kiểm soát tài chính

Nguyễn Thị Thanh Trúc
Giám đốc tài chính và
Kế toán trưởng



Timothy Mark Redvers Evans
Người đại diện theo pháp luật